

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Lương Phi Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Thuý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2026 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 2005;

Địa chỉ: **ấp C, xã P, tỉnh Vĩnh Long** – xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Cao Thành L**, sinh năm 2004;

Địa chỉ: **khóm A, phường C, tỉnh Vĩnh Long** – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Mộng T** trình bày:*

Chị **T** và anh **Cao Thành L** tự quen biết và sống với nhau, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là UBND phường C, tỉnh Vĩnh Long) ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo trích lục giấy kết hôn số 81. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến về những việc trong cuộc sống gia đình. Chị **T** và anh **L** đã ly thân từ tháng 8 năm 2025 cho đến nay.

Chị **T** nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh **L** không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: Chị và anh **L** có 01 con chung tên Cao Thị Như Ý, sinh ngày 02/8/2024. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Thị Như Ý và không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn **Cao Thành L** mặc dù đã được Tòa án tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 75/TB-TLVA ngày 20/10/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 190/TB-TA ngày 17/11/2025; Giấy triệu tập đương sự số 75/GTT-TA ngày 16/01/2026 nhưng anh **L** không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Mộng T**.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn **Trần Thị Mộng T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn **Cao Thành L** vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/3/2026, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh **Cao Thành L** đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh **L** đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh **L** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ngày 09/12/2025, chị **Trần Thị Mộng T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị **T** và anh **L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thị Mộng T** và anh **Cao Thành L** qua quen biết tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo Trích lục kết hôn số 81 ngày 02/12/2024 do Ủy ban nhân dân phường **C**, thị xã **B**, tỉnh **Vĩnh Long** cấp (nay là UBND phường **C**, tỉnh **Vĩnh Long**) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị **T** thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh **L** không đến Tòa án trình bày ý kiến về tình trạng hôn nhân hiện nay cũng như ý kiến đối với lời trình bày của chị **T** nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, chị **T** và anh **L** đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, cho chị **T** được ly hôn với anh **L**.

[3] Về con chung: Chị **T** và anh **L** có 01 (một) con chung tên: Cao Thị Như Ý, sinh ngày 02/8/2024, hiện do chị **T** nuôi dưỡng. Chị **T** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Cao Thị Như Ý, sinh ngày 02/8/2024 là con chung của chị **T** và anh **L** dưới 36 tháng tuổi. Từ khi anh, chị ly thân con chung do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Cao Thị Như Ý cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh **L** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Cao Thành L** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, chị **T** và anh **L** được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Buộc chị **Trần Thị Mộng T** chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2025. Các Điều 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Mộng T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Mộng T** được ly hôn với anh **Cao Thành L**.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Cao Thị Như Ý, sinh ngày 02/8/2024 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị **T** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh **L** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Cao Thành L** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Trần Thị Mộng T** và anh **Cao Thành L** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Đương sự được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc chị **Trần Thị Mộng T** chịu án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006486, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị **T** đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Thi hành án DS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thiết